

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN
DN:
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
3600253826, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN, L=Biên Hòa, S=Đồng
Nai, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2019-03-04 09:20:55
Foxit Reader Version: 9.4.1

Công ty Cổ phần Thiết bị điện

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty Cổ phần Thiết bị điện

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty Cổ phần Thiết bị điện

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 32

Công ty Cổ phần Thiết bị điện

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thiết bị điện ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ một doanh nghiệp Nhà nước - Công ty TNHH MTV Thiết bị điện theo Quyết định số 0466/QĐ-BCT ngày 5 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3600253826 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 6 tháng 12 năm 2007, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 122/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thiết kế, chế tạo, bán buôn, bán lẻ các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng; và lắp đặt, thi công, thiết kế các công trình thiết bị điện và cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 9, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Chủ tịch	
Ông Phan Ngọc Thảo	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên	
Ông Cao Hoàng Phát	Thành viên	
Ông Lê Chí Hòa	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2018
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Thu	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2018
Bà Võ Thị Lan Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Hoàng Nguyên	Thành viên	bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2018
Bà Vũ Thanh Hương	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2018
Ông Thái Văn Đung	Thành viên	miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2018
Ông Phan Hồng Kỳ	Thành viên	miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2018

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Ngọc Thảo	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cao Hoàng Phát	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Bích	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phan Ngọc Thảo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thiết bị điện

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị điện ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 2 năm 2019

Số tham chiếu: 61364104/20388803

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thiết bị điện

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết bị điện (“Công ty”) được lập ngày 25 tháng 2 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 7 tháng 3 năm 2018.



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2019-004-1



Dương Thị Nữ
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3796-2016-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 2 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		968.901.966.296	1.459.207.195.600
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	93.174.513.564	357.506.236.113
111	1. Tiền		93.174.513.564	155.255.307.660
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	202.250.928.453
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		226.475.400.865	479.825.829.569
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	206.569.289.325	459.401.952.031
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	10.827.873.249	3.608.379.744
136	3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7	13.844.850.387	26.214.423.155
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6	(4.766.612.096)	(9.398.925.361)
140	III. Hàng tồn kho	8	649.252.051.867	612.848.778.571
141	1. Hàng tồn kho		649.252.051.867	612.857.370.605
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(8.592.034)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		-	9.026.351.347
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	-	9.026.351.347
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.121.167.039.893	529.023.756.750
210	I. Khoản phải thu dài hạn		611.462.620	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	611.462.620	-
220	II. Tài sản cố định		84.639.924.854	88.744.618.102
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	84.044.902.152	88.453.022.884
222	Nguyên giá		306.031.988.371	289.336.014.767
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(221.987.086.219)	(200.882.991.883)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	595.022.702	291.595.218
228	Nguyên giá		2.323.634.725	1.763.634.725
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.728.612.023)	(1.472.039.507)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		4.541.813.585	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	4.541.813.585	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	896.217.450.315	300.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		290.671.200.000	
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		468.497.825.645	-
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		137.048.424.670	300.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		135.156.388.519	140.279.138.648
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	134.394.405.267	137.552.338.102
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	761.983.252	2.726.800.546
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.090.069.006.189	1.988.230.952.350

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		963.766.181.489	842.211.977.295
310	I. Nợ ngắn hạn		963.766.181.489	803.624.357.978
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	165.084.346.423	266.350.175.972
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	12.751.422.658	3.824.134.069
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	23.501.254.274	11.723.380.501
314	4. Phải trả người lao động	17	33.741.810.428	36.110.400.331
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	2.902.354.341	9.182.164.076
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	3.516.015.278	11.340.951.392
320	7. Vay ngắn hạn	20	703.154.928.070	403.444.482.827
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	16.955.389.408	58.881.465.848
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.158.660.609	2.767.202.962
330	II. Nợ dài hạn		-	38.587.619.317
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn	20	-	8.966.933.775
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	26	-	29.620.685.542
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.126.302.824.700	1.146.018.975.055
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.126.302.824.700	1.146.018.975.055
411	1. Vốn cổ phần		488.000.000.000	488.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		488.000.000.000	488.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		355.386.860.247	355.386.860.247
415	3. Cổ phiếu quỹ		(224.441.613.184)	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		72.362.153.403	72.362.153.403
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		434.995.424.234	230.269.961.405
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		196.239.300.796	6.836.930.935
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		238.756.123.438	223.433.030.470
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.090.069.006.189	1.988.230.952.350

P. Kinh

Phạm Đăng Trình
Người lập

Nguyễn Văn Hiếu
Phó Tổng Giám đốc
kiểm Kế toán trưởng



Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 2 năm 2019

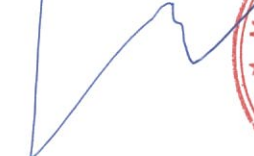
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	2.220.285.884.992	2.547.703.752.748
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(1.843.251.537.666)	(2.005.744.868.558)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		377.034.347.326	541.958.884.190
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	28.374.460.997	38.090.920.242
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	24	(28.336.971.242) (28.082.336.403)	(16.418.675.634) (15.709.251.043)
25	6. Chi phí bán hàng	25	(34.440.696.644)	(66.682.741.757)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(68.980.011.209)	(86.780.131.031)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		273.651.129.228	410.168.256.010
31	9. Thu nhập khác	26	29.886.082.813	1.223.631.135
32	10. Chi phí khác	26	(2.011.704.404)	(1.177.060.965)
40	11. Lợi nhuận khác		27.874.378.409	46.570.170
50	12. Tổng lợi nhuận trước thuế		301.525.507.637	410.214.826.180
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(60.804.566.905)	(87.167.079.729)
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	28.3	(1.964.817.294)	(2.014.715.981)
60	15. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		238.756.123.438	321.033.030.470



Phạm Đăng Trình
Người lập


Nguyễn Văn Hiếu
Phó Tổng Giám đốc
kiêm Kế toán trưởng


Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc



Ngày 25 tháng 2 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận trước thuế		301.525.507.637	410.214.826.180
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định ("TSCĐ")	9, 10	22.514.835.483	22.662.139.199
03	Hoàn nhập dự phòng		(13.607.839.074)	(45.475.533.204)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(27.782.170.768)	(36.967.757.264)
06	Chi phí lãi vay	24	28.082.336.403	15.709.251.043
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		310.732.669.681	366.142.925.954
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		253.425.056.279	(113.884.424.974)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(36.394.681.262)	15.257.071.428
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(168.056.306.635)	82.397.792.153
12	Tăng chi phí trả trước		(2.282.355.450)	(136.502.473.296)
14	Tiền lãi vay đã trả		(27.766.673.222)	(15.561.467.646)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(52.894.383.069)	(74.460.906.805)
16	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		-	700.000.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(11.823.180.485)	(26.299.555.333)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		264.940.145.837	97.788.961.481
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ		(18.710.442.413)	(10.540.730.410)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		265.397.271	41.818.182
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(247.048.424.670)	(300.000.000.000)
24	Tiền thu hồi do bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		410.000.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(759.169.025.645)	-
27	Tiền lãi nhận được		42.133.325.437	22.753.981.424
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(572.529.170.020)	(287.744.930.804)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền mua lại cổ phiếu quỹ		(224.441.613.184)	-
33	Tiền vay nhận được	19	1.217.804.835.970	1.019.003.511.121
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	19	(918.094.390.727)	(878.025.871.443)
36	Cổ tức đã trả	21.4	(32.011.530.425)	(240.800.643.300)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		43.257.301.634	(99.823.003.622)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(264.331.722.549)	(289.778.972.945)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		357.506.236.113	647.285.209.058
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	93.174.513.564	357.506.236.113

P. Đăng Trình

Phạm Đăng Trình
Người lập

Nguyễn Văn Hiếu
Phó Tổng Giám đốc
kiêm Kế toán trưởng



Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 2 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thiết bị điện ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ một doanh nghiệp Nhà nước - Công ty TNHH MTV Thiết bị điện theo Quyết định số 0466/QĐ-BCT ngày 5 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3600253826 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 6 tháng 12 năm 2007, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 122/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thiết kế, chế tạo, bán buôn, bán lẻ các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng; và lắp đặt, thi công, thiết kế các công trình thiết bị điện và cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 9, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 690 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 661).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

2.2 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.
Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Phần mềm máy tính	4 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê lại đất ký với Công ty TNHH Đầu tư Long Đức số 170602/HD-TĐ vào ngày 16 tháng 6 năm 2017 trong thời hạn 40 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo hướng dẫn của Thông tư 45 do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 về quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

► Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

► Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh máy biến áp và thiết bị điện. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty bán ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	429.873.693	11.902.222
Tiền gửi ngân hàng	92.744.639.871	155.243.405.438
Các khoản tương đương tiền	-	202.250.928.453
TỔNG CỘNG	93.174.513.564	357.506.236.113

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên thứ ba	190.548.719.125	428.332.830.424
<i>Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh</i>		
<i>Thiết bị điện TTC</i>	46.828.083.567	166.204.095.922
<i>Công ty TNHH Thương mại Đức Biên</i>	24.845.310.000	-
<i>Thibidi (Cambodia) Co., Ltd</i>	23.510.769.600	4.220.115.410
<i>Tổng Công ty Điện lực Miền Nam</i>	-	109.942.429.558
<i>Khác</i>	95.364.555.958	147.966.189.534
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	16.020.570.200	31.069.121.607
TỔNG CỘNG	206.569.289.325	459.401.952.031
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.733.747.620)	(9.366.060.885)
GIÁ TRỊ THUẦN	201.835.541.705	450.035.891.146

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.366.060.885	8.705.276.105
<i>Cộng: Dự phòng trích lập trong năm</i>	-	660.784.780
<i>Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm</i>	(4.632.313.265)	-
Số cuối năm	4.733.747.620	9.366.060.885

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
San Jiang Electric MFG Co., Ltd	4.870.232.255	-
Công ty TNHH Sản xuất Cơ khí & Cầu trục NMC	1.934.664.600	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Thiều Quang	729.000.000	729.000.000
Khác	3.293.976.394	2.879.379.744
TỔNG CỘNG	10.827.873.249	3.608.379.744
Dự phòng trả trước ngắn hạn khó đòi	(32.864.476)	(32.864.476)
GIÁ TRỊ THUẦN	10.795.008.773	3.575.515.268

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	13.844.850.387	26.214.423.155
Thuế thu nhập cá nhân chi hộ chưa quyết toán	3.937.944.732	494.968.456
Tạm ứng cho nhân viên	3.818.991.178	5.341.656.333
Lãi dự thu trái phiếu	2.696.998.178	16.072.222.100
Thuế thu nhập cá nhân được hoàn	1.739.940.920	3.849.590.708
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	-	455.985.558
Khác	1.650.975.379	-
Dài hạn	611.462.620	-
Ký quỹ	611.462.620	-
TỔNG CỘNG	14.456.313.007	26.214.423.155

8. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	275.659.024.939	-	297.321.731.088	(8.592.034)
Nguyên liệu, vật liệu	256.427.351.368	-	243.024.446.283	-
Sản phẩm dở dang	117.165.675.560	-	68.586.494.409	-
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	3.924.698.825	-
TỔNG CỘNG	649.252.051.867	-	612.857.370.605	(8.592.034)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	8.592.034	2.198.399.167
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	3.888.028.955	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(3.896.620.989)	(2.189.807.133)
Số cuối năm	-	8.592.034

Công ty Cổ phần Thiết bị điện

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	74.745.514.589	180.494.280.550	28.176.405.972	5.919.813.656	289.336.014.767
Mua mới trong năm	-	16.962.042.235	921.000.000	-	17.883.042.235
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.154.168.631)	-	(1.154.168.631)
Giảm khác	-	(32.900.000)	-	-	(32.900.000)
Số cuối năm	74.745.514.589	197.423.422.785	27.943.237.341	5.919.813.656	306.031.988.371
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	12.154.328.977	109.296.371.673	9.142.748.139	5.093.264.612	135.686.713.401
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	(45.909.316.047)	(134.268.551.184)	(15.233.674.861)	(5.471.449.791)	(200.882.991.883)
Khấu hao trong năm	(3.159.582.258)	(15.975.389.384)	(2.854.163.152)	(269.128.173)	(22.258.262.967)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.154.168.631	-	1.154.168.631
Số cuối năm	(49.068.898.305)	(150.243.940.568)	(16.933.669.382)	(5.740.577.964)	(221.987.086.219)
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	28.836.198.542	46.225.729.366	12.942.731.111	448.363.865	88.453.022.884
Số cuối năm	25.676.616.284	47.179.482.217	11.009.567.959	179.235.692	84.044.902.152
Trong đó:					
Thế chấp cho khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh số 19)	19.352.891.816	13.730.852.971	2.079.556.513	-	35.163.301.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

Phần mềm máy tính

Nguyên giá

Số đầu năm	1.763.634.725
Mua mới trong năm	560.000.000
Số cuối năm	2.323.634.725
Trong đó:	
Đã hao mòn hết	1.279.174.725

Giá trị hao mòn lũy kế

Số đầu năm	(1.472.039.507)
Hao mòn trong năm	(256.572.516)
Số cuối năm	(1.728.612.023)

Giá trị còn lại

Số đầu năm	291.595.218
Số cuối năm	595.022.702

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đây là chi phí xây dựng nhà máy mới tại Khu Công nghiệp Long Đức, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 12.1)	290.671.200.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.2)	468.497.825.645	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 12.3)	137.048.424.670	300.000.000.000
TỔNG CỘNG	896.217.450.315	300.000.000.000

12.1 Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm	
Công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ
	%	VND
Công ty Cổ phần Chế tạo Thiết bị điện Đồng Anh	51	290.671.200.000

Công ty Cổ phần Chế tạo Thiết bị điện Đồng Anh ("MEE") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0106061404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 13 tháng 12 năm 2012, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. Hoạt động chính trong năm hiện tại của MEE là thiết kế, chế tạo, buôn bán các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết	Số cuối năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ
	%	VND
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần	24,95	468.497.825.645

Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần ("TBD") (trước đây là Công ty Cổ phần Chế tạo Thiết bị điện Đông Anh) được cổ phần hóa từ một Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Sản xuất Thiết bị điện, trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) theo Quyết định số 140/2004/QĐBCT ngày 22 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0103008085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 6 năm 2005, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của TBD là thiết kế, chế tạo, buôn bán các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng; và lắp đặt, thi công, thiết kế các công trình thiết bị điện.

12.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Trái phiếu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An (i)	97.048.424.670	97.048.424.670	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường Eco&More (ii)	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây	-	-	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
TỔNG CỘNG	137.048.424.670	137.048.424.670	300.000.000.000	300.000.000.000

(i) 95 trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An ("Hải An"), mệnh giá 1.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn 3 năm, trong đó 50 trái phiếu đáo hạn vào ngày 9 tháng 3 năm 2021 hưởng lãi suất 9,5%/năm và 45 trái phiếu đáo hạn vào ngày 30 tháng 7 năm 2021 hưởng lãi suất 10,5%/năm, được thanh toán 12 tháng một lần, và có tài sản đảm bảo là 3.600.000 cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam ("Gelex") mà Hải An nắm giữ và 4.900.000 cổ phần của Gelex mà Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Gex nắm giữ.

(ii) 40 trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường Eco&More ("Eco&More"), mệnh giá 1.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn 3 năm, đáo hạn vào ngày 21 tháng 6 năm 2021, lãi trái phiếu là 10,5%/năm, được thanh toán 6 tháng một lần, và có tài sản đảm bảo là 5.300.000 cổ phần của Gelex mà Eco&More nắm giữ và 8.000.000 cổ phần của Gelex mà Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Gex nắm giữ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất trả trước	131.739.627.479	135.156.902.524
Công cụ, dụng cụ	2.457.442.784	2.395.435.578
Khác	197.335.004	-
TỔNG CỘNG	134.394.405.267	137.552.338.102

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên thứ ba	17.136.920.713	73.614.777.218
<i>Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật điện</i>		
<i>Hoàng Trang</i>	3.190.000.000	-
<i>GE Pacific Pte Ltd</i>	2.348.229.419	4.352.591.360
<i>Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư</i>		
<i>Hoàn Phúc</i>	2.205.743.566	1.426.680.414
<i>Công ty TNHH Thép SMC</i>	1.673.057.100	-
<i>Công ty Cổ phần Ngô Han</i>	12.874.400	35.420.000.000
<i>Công ty TNHH Thương mại Thái Hà</i>	-	6.949.588.250
<i>Khác</i>	7.707.016.228	25.465.917.194
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	147.947.425.710	192.735.398.754
TỔNG CỘNG	165.084.346.423	266.350.175.972

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	12.548.146.288	3.824.134.069
<i>Tổng Công ty Điện lực Thành phố</i>		
<i>Hồ Chí Minh TNHH</i>	6.188.676.000	-
<i>Công ty TNHH Thương mại Xây dựng điện</i>		
<i>Phan An</i>	1.593.406.187	901.789.376
<i>Khác</i>	4.766.064.101	2.922.344.693
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 29)	203.276.370	-
TỔNG CỘNG	12.751.422.658	3.824.134.069

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND		
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm
			Số cuối năm
Phải nộp			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.671.260.122	60.804.566.905	(52.894.383.069)
Thuế giá trị gia tăng	-	20.326.493.332	(16.483.796.543)
Thuế thu nhập cá nhân	1.001.466.686	8.878.558.379	(8.862.231.670)
Thuế khác	50.653.693	1.015.572.098	(1.006.905.659)
TỔNG CỘNG	11.723.380.501	91.025.190.714	(79.247.316.941)
Phải thu			
Thuế giá trị gia tăng	9.026.351.347	-	(9.026.351.347)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng	1.846.071.787	6.689.828.576
Chi phí lãi vay	658.626.303	342.963.122
Chi phí phải trả sản xuất kinh doanh	397.656.251	2.149.372.378
TỔNG CỘNG	2.902.354.341	9.182.164.076

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	2.178.057.069	9.789.587.494
Tài sản thừa chờ giải quyết	529.010.096	-
Khác	808.948.113	1.551.363.898
TỔNG CỘNG	3.516.015.278	11.340.951.392

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY NGẮN HẠN

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vay ngân hàng	403.444.482.827	1.217.804.835.970	(918.094.390.727)	703.154.928.070

Chi tiết khoản vay ngân hàng ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa	582.321.778.508	Từ ngày 14 tháng 1 năm 2019 đến ngày 26 tháng 6 năm 2019	Từ 6,8 đến 7,2	Nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với tổng giá trị còn lại là 35.163.301.300 VND (Thuyết minh số 9)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Đồng Nai	99.318.505.202	Từ ngày 12 tháng 2 năm 2019 đến ngày 24 tháng 4 năm 2019	Từ 5,5 đến 5,8	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	21.514.644.360	Ngày 15 tháng 4 năm 2019	Từ 6,1 đến 6,8	Tín chấp
TỔNG CỘNG	703.154.928.070			

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Bảo hành sản phẩm (*)	16.955.389.408	58.881.465.848
Dài hạn		
Trợ cấp thôi việc	-	8.966.933.775
TỔNG CỘNG	16.955.389.408	67.848.399.623

(*) Trong năm, Công ty đã thay đổi ước tính tỷ lệ dự phòng bảo hành sản phẩm. Theo đó, dự phòng bảo hành sản phẩm được trích lập 1% trên giá trị hợp đồng cho thời gian 12 tháng.

Công ty Cổ phần Thiết bị điện

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	488.000.000.000	355.386.860.247	-	72.362.153.403	178.236.930.935	1.093.985.944.585
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	321.033.030.470	321.033.030.470
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(244.000.000.000)	(244.000.000.000)
Số cuối năm	488.000.000.000	355.386.860.247	-	72.362.153.403	230.269.961.405	1.146.018.975.055
Năm nay						
Số đầu năm	488.000.000.000	355.386.860.247	-	72.362.153.403	230.269.961.405	1.146.018.975.055
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(224.441.613.184)	-	-	(224.441.613.184)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	238.756.123.438	238.756.123.438
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(9.630.660.609)	(9.630.660.609)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(24.400.000.000)	(24.400.000.000)
Số cuối năm	488.000.000.000	355.386.860.247	(224.441.613.184)	72.362.153.403	434.995.424.234	1.126.302.824.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%
Công ty TNHH Thiết bị điện Gelex	34.546.969	70,79	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	-	-	34.546.969	70,79
Các cổ đông khác	14.253.031	29,21	14.253.031	29,21
TỔNG CỘNG	48.800.000	100,00	48.800.000	100,00

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21.3 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	48.800.000	48.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	48.800.000	48.800.000
Số lượng cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(4.800.000)	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	44.000.000	48.800.000

21.4 Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức công bố trong năm	24.400.000.000	244.000.000.000
<i>Cổ tức đợt cuối năm 2017: 500 VND/cổ phiếu</i>	24.400.000.000	-
<i>Tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2017: 2.000 VND/cổ phiếu</i>	-	97.600.000.000
<i>Cổ tức đợt cuối năm 2016: 1.500 VND/cổ phiếu</i>	-	73.200.000.000
<i>Tạm ứng cổ tức lần 2 năm 2016: 1.500 VND/cổ phiếu</i>	-	73.200.000.000
Cổ tức đã trả trong năm	(32.011.530.425)	(240.800.643.300)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	1.698.492.330.279	2.132.183.773.189
Doanh thu bán hàng hóa và vật tư	500.651.972.383	404.771.500.382
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.141.582.330	10.748.479.177
TỔNG CỘNG	2.220.285.884.992	2.547.703.752.748
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên thứ ba	1.896.612.916.208	2.405.587.543.212
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 29)	323.672.968.784	142.116.209.536

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi đầu tư trái phiếu	18.225.377.995	27.715.277.778
Lãi tiền gửi	9.291.395.502	7.691.571.548
Cổ tức được chia	-	1.958.400.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	857.687.500	725.670.916
TỔNG CỘNG	28.374.460.997	38.090.920.242

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.330.113.296.999	1.607.548.951.672
Giá vốn của hàng hóa và vật tư đã bán	497.704.885.566	396.504.407.698
Giá vốn dịch vụ cung cấp	15.441.947.135	3.881.316.321
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.592.034)	(2.189.807.133)
TỔNG CỘNG	1.843.251.537.666	2.005.744.868.558

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí lãi vay	28.082.336.403	15.709.251.043
Lỗ chênh lệch tỷ giá	233.071.411	681.271.901
Khác	21.563.428	28.152.690
TỔNG CỘNG	28.336.971.242	16.418.675.634

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	34.440.696.644	66.682.741.757
Chi phí nhân viên	28.574.916.415	32.494.358.208
Chi phí hoa hồng	19.614.083.106	24.196.877.508
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.654.689.007	14.749.861.902
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.696.412.523	1.779.345.931
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	(41.750.178.311)	(44.280.678.381)
Chi phí khác	11.650.773.904	37.742.976.589
Chi phí quản lý doanh nghiệp	68.980.011.209	86.780.131.031
Chi phí nhân viên	46.989.321.806	38.641.986.741
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.470.524.241	5.990.095.908
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.280.543.584	2.340.028.579
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng	(13.423.368.040)	660.784.780
Chi phí khác	28.662.989.618	39.147.235.023
TỔNG CỘNG	103.420.707.853	153.462.872.788

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

		VND
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	29.886.082.813	1.223.631.135
Thu nhập từ hoàn nhập quỹ phát triển khoa học và công nghệ (*)	29.620.685.542	-
Thu nhập khác	265.397.271	1.223.631.135
Chi phí khác	(2.011.704.404)	(1.177.060.965)
Các khoản phạt	(382.408.381)	(1.141.618.631)
Chi phí khác	(1.629.296.023)	(35.442.334)
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	27.874.378.409	46.570.170

(*) Số dư những năm trước do Ban Tổng Giám đốc quyết định tỷ lệ trích lập, quá thời hạn 5 năm không sử dụng cho hoạt động khoa học và công nghệ.

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.630.940.583.272	1.403.700.125.862
Chi phí nhân viên	173.296.299.225	168.239.305.586
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	19.125.213.248	26.239.098.417
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9, 10)	22.514.835.483	22.662.139.199
Chi phí khác	125.997.351.089	111.247.221.891
TỔNG CỘNG	1.971.874.282.317	1.732.087.890.955

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN năm nay	59.386.889.639	85.505.295.404
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	1.417.677.266	1.661.784.325
Chi phí thuế TNDN hiện hành	60.804.566.905	87.167.079.729
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.964.817.294	2.014.715.981
TỔNG CỘNG	62.769.384.199	89.181.795.710

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	301.525.507.637	410.214.826.180
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	60.305.101.527	82.042.965.236
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	1.239.265.348	5.868.726.149
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong năm trước	1.417.677.266	1.661.784.325
Thu nhập từ cổ tức	-	(391.680.000)
Ảnh hưởng do chênh lệch thuế suất	(192.659.942)	-
Chi phí thuế TNDN	62.769.384.199	89.181.795.710

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

			VND	
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuê đất	761.983.252	-	761.983.252	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	1.793.386.755	(1.793.386.755)	(2.014.715.981)
Chi phí phải trả	-	933.413.791	(933.413.791)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	761.983.252	2.726.800.546		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(1.964.817.294)	(2.014.715.981)

29. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

			VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất	Mua nguyên vật liệu	657.224.659.913	379.864.624.087
		Cổ tức đã trả	17.273.484.500	172.834.845.000
		Bán hàng hóa	-	17.349.717
Công ty TNHH Thiết bị điện Gelex	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu	259.586.212.011	341.253.526.146
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	257.872.376.882	122.852.893.869
		Mua nguyên vật liệu	77.234.931.522	107.452.375.165
		Bán thành phẩm	-	830.488.000
		Cung cấp dịch vụ	-	3.061.000
Công ty TNHH CADIVI Đồng Nai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	257.634.250.142	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua nguyên vật liệu	91.138.630.481	4.918.826.000
		Bán thành phẩm	62.867.027.202	18.412.416.950
		Thuê tài sản	4.137.500.000	-
		Cung cấp dịch vụ	2.214.206.648	-
		Bán hàng hóa	719.358.052	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

				VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	
Phải thu khách hàng ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán thành phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ	16.008.733.100	6.568.379.400	
Công ty TNHH Thiết bị điện Gelex	Công ty mẹ	Bán thành phẩm	11.837.100	11.837.100	
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán nguyên vật liệu	-	24.469.820.418	
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất	Bán thành phẩm	-	19.084.689	
			16.020.570.200	31.069.121.607	

Phải trả người bán ngắn hạn

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất	Mua nguyên vật liệu	60.343.009.072	100.497.289.650	
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua nguyên vật liệu	55.271.215.205	-	
Công ty TNHH Thiết bị điện Gelex	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu	26.343.459.592	86.866.550.006	
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua nguyên vật liệu	5.989.741.841	5.371.559.098	
			147.947.425.710	192.735.398.754	

Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Công ty TNHH CADIVI Đồng Nai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán nguyên vật liệu	203.276.370	-	
------------------------------	-----------------------------	---------------------	-------------	---	--

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

		VND	
		Năm nay	Năm trước
Lương và thù lao		9.827.002.914	5.528.933.093

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê máy móc, thiết bị, thuê đất và dịch vụ bảo trì cơ sở hạ tầng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	7.230.934.956	2.283.439.732
Từ 1-5 năm	22.843.739.824	9.133.758.928
Trên 5 năm	73.398.932.373	75.682.533.693
TỔNG CỘNG	103.473.607.153	87.099.732.353

31. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các loại ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	624.866,98	3.948.786,62
Hàng hóa nhận giữ hộ (VND)	-	57.922.726.450
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	4.876.032.674	4.876.032.674

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 30 tháng 1 năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐQT về việc phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2019 với tổng mệnh giá là 550.000.000.000 VND. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục cho đợt phát hành.

Ngoài sự kiện trên, không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.


 Phạm Đăng Trình
 Người lập


 Nguyễn Văn Hiếu
 Phó Tổng Giám đốc
 cum Kế toán trưởng


 Phan Ngọc Thảo
 Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 2 năm 2019